

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118/2020/HC-PT**

Ngày: 02 - 7 - 2020

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Cường

Ông Trần Quốc Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 124/2020/TLPT-HC ngày 10-02-2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 78/2019/HC-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1060/2020/QĐ-PT ngày 09-6-2020, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Trương T, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 6, thôn Q, xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân B1; địa chỉ: Số 73 đường P, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*** *Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Nam.
2. Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Công H, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện T1. Có mặt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quý N, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện T1. Có đơn xin vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Trương Thị Mỹ H1, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 1, khối phố 1, phường T3, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

- Anh Trương Quang Ph, sinh năm 1993.

- Anh Trương Quang T4, sinh năm 1977.

- Bà Phan Thị Y, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, thôn Q1, xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, ông Ph, ông T4, bà Y: Ông Nguyễn Xuân B1; địa chỉ: Số 73 đường P, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ 6, thôn Q, xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Trương T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện các văn bản có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trương T trình bày:

Gia đình ông Trương T đang có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.440m² loại đất màu tại xã B, huyện T1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1240623 do Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp ngày 19-3-1997, sử dụng liên tục, ổn định không có tranh chấp.

Năm 2003, Ủy ban nhân dân xã B lấy khoảng 740m² trong thửa đất này đem bán đấu giá cho một số hộ dân khác trong xã mà không ban hành quyết định thu hồi, không giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T. Ông T khiếu nại thì được giải quyết tại Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09-02-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B không chấp nhận khiếu nại của ông T.

Ông T tiếp tục khiếu nại thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 giải

quyết khiếu nại tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 09-4- 2019 không chấp nhận khiếu nại của ông T và giữ nguyên Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09-02-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam hủy Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 09-4-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại lần 2; hủy Quyết định số 22/QĐ- UBND ngày 09-02-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết khiếu nại lần 1; buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành quyết định thu hồi đất, giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích đất khoảng 740m² thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.440m², loại đất màu tọa lạc tại xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam bị ảnh hưởng quy hoạch vào năm 2003; buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất khoảng 700m² thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, loại đất màu tại xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam, đồng thời chuyển mục đích đất ở khoảng 80m² ở vị trí phía Đông trong thửa đất này sang loại đất ở theo quy định của pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, đại diện người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam trình bày:

Qua kết quả kiểm tra hồ sơ kê khai đăng ký, quá trình sử dụng đất và xác minh thực tế một số hộ dân cho thấy, trước khi Ủy ban nhân dân xã thực hiện việc quy hoạch, khai thác quỹ đất khu dân cư tổ 2, thôn Q1 đã tổ chức thỏa thuận với các hộ dân có đất liên quan và đã được các hộ thống nhất đồng thuận đổi đất đi nơi khác để sản xuất thuận lợi và hiệu quả kinh tế cao hơn. Trong đó, diện tích đất hộ ông T bị ảnh hưởng tại thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8 là 415,2m² và đã được Ủy ban nhân dân xã đổi đất về Đồng Niên với diện tích 656m² (tăng 240m²), tại thửa đất số 553, tờ bản đồ số 5, hiện nay đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện trạng thửa đất ông còn đang sử dụng là 669,9m². Phần diện tích bị thiếu hiện nay do hộ ông Trương T tự trao đổi, mua bán với các hộ dân có đất ở giáp ranh tổng diện tích là 354,9m², với số tiền là 33.400.000 đồng. Do đó, Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09-12-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, đại diện người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 và Ủy ban nhân dân huyện T1 trình bày:

Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 09-4-2019 ban hành đúng thẩm

quyền, trình tự xác minh, tổ chức đối thoại theo đúng quy định của pháp luật.

Năm 1995 Ủy ban nhân dân xã B đã có chủ trương đổi diện tích 415,2m² thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8 đổi lại diện tích 656m², thửa đất số 553, tờ bản đồ số 5, loại đất màu tại xứ Đồng Niên và thửa đất màu đã được ông T sử dụng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện T1 có mời các hộ dân cùng đổi đất với ông T và các hộ dân đều thừa nhận có việc đổi đất. Quá trình xác minh và làm việc với Ủy ban nhân dân xã B cho thấy đã đổi đất cho ông Trương T. Năm 2003, Ủy ban nhân dân xã B đã tổ chức đấu giá đổi với diện tích 740m² thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.440m² nhưng ông Trương T không có bất kỳ ý kiến, khiếu nại nào nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương T.

Đối với diện tích đất khoảng 669,9m² thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, loại đất màu tại xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam còn lại: Ủy ban nhân dân huyện T1 sẽ xem xét điều chỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu chuyển mục đích sang loại đất ở diện tích 80m² vị trí phía Đông (gần nương nước) thì Ủy ban nhân dân huyện T1 sẽ tiến hành đo đạc lại, nếu nằm trong thửa số 441, tờ bản đồ số 8 của ông T thì Ủy ban nhân dân huyện T1 sẽ có chỉ đạo cụ thể.

Người bị kiện giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 797/QĐ-UBND ngày 09-4-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 và không chấp nhận các hành vi hành chính như yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 1990, giữa gia đình bà L và ông T có thực hiện việc đổi đất màu để thuận tiện cho việc canh tác của 2 gia đình, hiện nay thửa đất của ông T đổi cho gia đình bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chồng bà là ông Nguyễn H2 (đã mất) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K215739, thửa đất đổi cho ông T hiện nay là thuộc thửa nào, tờ bản đồ nào, diện tích bao nhiêu bà L không rõ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T1 thực hiện hành vi chuyển mục đích đất ở khoảng 80m² ở vị trí phía Đông trong thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8 tại xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Đồng thời, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi với diện tích đất khoảng 1.024,8m² thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, loại đất màu tại xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam chứ không phải là 700m² như

khởi kiện ban đầu.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2019/HC-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 158; Điều 173; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 17, Điều 18, Điều 31, Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương T về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 thực hiện hành vi chuyển mục đích khoảng 80m² đất tại vị trí phía Đông thửa đất số 441, tờ bản đồ số 08 tại xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam sang loại đất ở theo quy định của pháp luật.

- Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trương T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09-02-2018 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B và Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 09-4-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1; về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành quyết định thu hồi đất, giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Trương T đối với diện tích đất khoảng 740m² thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, loại đất màu tọa lạc tại xã B, huyện T1 bị ảnh hưởng quy hoạch vào năm 2003; về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất khoảng 1.024,8m² thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, loại đất màu tại xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13-12-2019, ông Trương T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của các đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Trương T rút một phần khởi kiện về buộc Ủy ban nhân dân huyện

T1 chuyển mục đích khoảng 80m² đất tại vị trí phía Đông thửa đất số 441, tờ bản đồ số 08 tại xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam sang loại đất ở. Do đó, cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử sơ thẩm là đúng pháp luật.

[2] Đối tượng khởi kiện là Quyết định giải quyết khiếu nại số 22/QĐ-UBND ngày 09-02-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; Quyết định giải quyết khiếu nại số 797/QĐ-UBND ngày 09-4-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1; buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trương T khoảng 740m² tại thửa số 441 và buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng 1.024,8m² tại thửa số 441 cho hộ ông Trương T. Ngày 14-6-2019, ông Trương T làm khởi kiện và bổ sung đơn khởi kiện ngày 17-6-2019 là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Đối với Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09-02-2018 và Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 09-4-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại đối với diện tích đất tranh chấp khoảng 740m² và nội dung giải quyết khiếu nại hành vi hành chính khác của ông Trương T là đúng thẩm quyền (Điều 17, Điều 18 Luật khiếu nại, tố cáo năm 2011).

[4] Nguồn gốc thửa đất 1.440m² do gia đình ông Trương T khai hoang và được Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 240623 ngày 19-3-1997 tại xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam. Trước đó, năm 1995 Ủy ban nhân dân xã B đã có chủ trương quy hoạch khu vực đồng Truong để chuyển đổi về Xứ đồng Cây Bàng và đồng Niên. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã B đã tổ chức thỏa thuận và thống nhất với các hộ dân có đất liên quan bị ảnh hưởng tại khu vực đồng Truong, trong đó hộ ông Trương T bị ảnh hưởng tại thửa đất 441, tờ bản đồ số 8 diện tích 415,2m² và được đổi đất về đồng Niên với diện tích 656m² (tăng 240m²) tại thửa đất số 553, tờ bản đồ số 5. Năm 2003, Ủy ban nhân dân xã B đã tổ chức đấu giá đổi với diện tích 740m² thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.440m² nêu trên. Ngày 22-9-2017, Ủy ban nhân dân xã B phối hợp với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai T1 đo đạc lại thực tế thửa đất 441, tờ bản đồ số 08 cũng xác định: Thửa đất tranh chấp có diện tích 1.440 m², diện tích bị ảnh hưởng dự án khai thác quỹ đất là 415,2 m², ông Trương T chuyển nhượng cho các hộ dân sử dụng là 354,9m² gồm: Ông Đặng Minh T5 diện tích 72m², ông Phạm Minh C diện tích 54,9 m², bà Nguyễn Thị H3 diện tích 30m², bà Trần Thị L1 diện tích 21 m², ông Trần Công T6 diện tích

93m², ông Trần Văn Th diện tích 60 m² và Huỳnh Văn Đ diện tích 24 m², còn lại 669,9m² đất hiện ông Trương T đang quản lý, sử dụng. Như vậy, diện tích đất ông Trương T cho rằng còn thiếu một phần nằm trong diện tích đất ông Trương T đã chuyển nhượng cho các hộ dân giáp ranh nêu trên.

Tại phiên tòa, ông Trương T cho rằng thời điểm đổi đất ông không biết vì đi làm công nhân ở xa nhà, nhưng tại Biên bản ngày 14-3-2017 ông Trương T thừa nhận: *Năm 2003 xã có đổi đất và đổi lúc đó tôi nghĩ là đất 5%, lúc đó tôi cũng không quan tâm và đám đất được đổi tôi làm được 08 năm, sau đó là em tôi là Trương Toàn sử dụng cho đến nay là mâu thuẫn nhau.* Đồng thời, ông Trương T và vợ chồng ông Trương V, bà Nguyễn Thị N1 thừa nhận đổi đất cho nhau, cụ thể: Bà Nguyễn Thị N1 thừa nhận hộ gia đình bà và hộ ông Trương T hiện đang sản xuất chung ổn định, không tranh chấp thửa đất số 661, tờ bản đồ số 05, diện tích 509m² (có bờ thửa riêng) được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà N1. Bà Nguyễn Thị N1 đồng ý chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất hộ ông Trương T đang sử dụng chung thửa để cấp giấy chứng nhận riêng cho hai hộ gia đình nhằm thuận lợi trong quản lý, sử dụng đất.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L cũng thừa nhận có việc đổi đất giữa vợ chồng bà L và ông Nguyễn H2 (đã mất) với hộ ông Trương T nhưng không xác định được cụ thể vị trí, tứ cận thửa đất đã được đổi. Về điều này, ông Trương T có cung cấp Giấy đổi đất giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trương T lập ngày 01-01-1990 và cho rằng sau khi nhận thửa đất số 468, tờ bản đồ số 8, diện tích 562m², ông có sử dụng vài năm sau đó có kê khai trong Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng không rõ ai gạch xóa đi. Đối chiếu với tổng diện tích các thửa đất được cấp giấy chứng nhận của ông Trương T thì không sai lệch nên cấp sơ thẩm không chấp nhận đề nghị của ông Trương T buộc Ủy ban nhân dân xã B và Ủy ban nhân dân huyện T1 về bồi thường, hỗ trợ tái định cư diện tích 740m² tại thửa số 441 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I1240623 ngày 19-3-1997 là đúng pháp luật.

[5] Đối với toàn bộ diện tích còn lại 669,9 m² ông Trương T chưa có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa đo đạc thực tế nhưng lại yêu cầu buộc UBND huyện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông khoảng 1.024,8 m², thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8 như phân tích ở phần [4]. Hiện nay các hộ dân liền kề nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của ông Trương T đã làm nhà ở trên đất tranh chấp. Do

đó, Ủy ban nhân dân các cấp của huyện T1 đã ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09-02-2018 và Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 09-4-2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương T là đúng pháp luật. Hội đồng xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương T, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Đơn kháng cáo của ông Trương T không được chấp nhận nên ông Trương T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ Điều 193, khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương T. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 78/2019/HC-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013 và khoản 1, Điều 5 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trương T đề nghị hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09-02-2018 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B và Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 09-4-2019 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1; buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành quyết định thu hồi đất, giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Trương T đối với diện tích đất khoảng 740m² thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, loại đất màu tủa lác tại xã B, huyện T1 bị ảnh hưởng quy hoạch vào năm 2003; buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất khoảng 1.024,8m² thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, loại đất màu tại xã B, huyện T1, tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 349 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trương T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000417 ngày 20-12-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 02-7-2020./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- CTHADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu